

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Kinh tế; Chuyên ngành: Kinh tế Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **Phạm Bảo Dương**

2. Ngày tháng năm sinh: 04 – 11 – 1973; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán: xã Sơn Hà, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Phòng 311-312, Nhà CT2, Khu đô thị Đặng Xá, Tô 3, xã Cổ Bi, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Phạm Bảo Dương,

Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Thị trấn Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm, TP. Hà Nội

Điện thoại di động: 098 626 1618; E-mail: pbduong@vnu.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng 2 năm 1995 đến tháng 9 năm 2006: Chuyên viên, Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Từ tháng 10 năm 2006 đến tháng 4 năm 2010: Trưởng Bộ môn nghiên cứu Chiến lược và Chính sách, Viện Chính sách và Chiến lược Phát triển Nông nghiệp- Nông thôn.

Từ tháng 5 năm 2010 đến nay:

- Giảng viên, Khoa Kinh tế và Phát triển Nông thôn, Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

- Phó Giám đốc, Phó Tổng Biên tập, Nhà xuất bản Học viện Nông nghiệp

- Phó Trưởng Ban, Trưởng Ban, Ban Tổ chức Cán bộ, Học viện Nông nghiệp Việt Nam.
- Phó trưởng Khoa Kinh tế và Phát triển Nông thôn, Học viện Nông nghiệp Việt Nam.
- Phó Giám đốc, Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

Chức vụ: Hiện nay: Phó Giám đốc Học viện;

Chức vụ cao nhất đã qua: Phó Giám đốc Học viện

Cơ quan công tác hiện nay: **Học viện Nông nghiệp Việt Nam.**

Địa chỉ cơ quan: Thị trấn Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 024.62617586

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):


8. Đã nghỉ hưu từ tháng
 năm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):


Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):


9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 20 tháng 01 năm 1995; số văn bằng: A115632; ngành: Kinh tế Nông nghiệp, chuyên ngành: ...; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Nông nghiệp I, Việt Nam
- Được cấp bằng ThS ngày 29 tháng 3 năm 2000; số văn bằng: SHU NO 4329; ngành: Kinh tế nông nghiệp và nguồn lực; chuyên ngành: ...; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Đại học Tokyo, Nhật Bản.
- Được cấp bằng TS ngày 28 tháng 3 năm 2003; số văn bằng: HAKU NO 2556; ngành: Kinh tế nông nghiệp và nguồn lực; chuyên ngành: ...; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Đại học Tokyo, Nhật Bản.

10. Đã được công nhận chức danh PGS ngày 01 tháng 11 năm 2013 ngành: Kinh tế,

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư tại HDGS cơ sở: Học viện Nông nghiệp Việt Nam

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư tại HDGS ngành, liên ngành: Kinh tế

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Kinh tế sản xuất trong nông nghiệp
- Thủ chế, tổ chức kinh tế trong nông nghiệp
- Giảm nghèo, an sinh xã hội và phát triển nông thôn

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 05 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);
- Đã hoàn thành 16 đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 01 đề tài cấp Quốc gia; 5 đề tài cấp Bộ và 10 đề tài cấp cơ sở.
- Đã công bố (số lượng) 85 bài báo khoa học/chương sách, trong đó 20 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 5, trong đó 01 chương sách do nhà xuất bản quốc tế có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:
15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu): Bằng khen của Thủ tướng CP
16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Sau nhiều năm công tác, nghiên cứu, giảng dạy, Em tự nhận thấy đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ của nhà giáo và đáp ứng đủ các tiêu chuẩn của chức danh Giáo sư ngành Kinh tế. Cụ thể:

1.1 Về giảng dạy: Em đã tham gia giảng dạy, hướng dẫn cho người học ở tất cả các chương trình đào tạo: đại học, thạc sĩ và tiến sĩ. Hàng năm, em luôn trực tiếp đứng lớp cho sinh viên, học viên cao học với số lượng giờ giảng luôn vượt định mức quy định. Phát huy lợi thế đã trải qua nhiều môi trường công tác (đã từng công tác ở cơ quan quản lý nhà nước- Bộ Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan nghiên cứu trọng điểm về kinh tế nông nghiệp, phát triển nông thôn nhiều năm), em luôn cố gắng vận dụng, lồng ghép những kiến thức thực tiễn vào bài giảng để truyền thụ cho người nghe một cách dễ hiểu, dễ thuyết phục, được người học đánh giá cao.

Bên cạnh việc trực tiếp đứng lớp, Em cũng tham gia hướng dẫn nhiều nghiên cứu sinh, học viên cao học và sinh viên đại học nghiên cứu làm đề tài khóa luận, luận văn, luận án tốt nghiệp. Với nền tảng học thuật được đào tạo tại các trường đại học tốt ở trong và ngoài nước (Trường đại học Nông nghiệp 1 và Đại học Tokyo), kinh nghiệm từ thực tiễn công tác tại nhiều cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan nghiên cứu, em đã định hướng, hướng dẫn cho người học lựa chọn chủ đề, phương pháp nghiên cứu phù hợp và bám sát quá trình nghiên cứu để hướng dẫn các học viên thực hiện tốt đề tài nghiên cứu tốt nghiệp, được các hội đồng đánh giá tốt. Đặc biệt trong quá trình nghiên cứu, em luôn khuyến khích, đồng hành cùng các nghiên cứu sinh, học viên cao học và sinh viên đại học phát triển, công bố các kết quả nghiên cứu đề tài tốt nghiệp trên các tạp chí có uy tín, trong Danh mục quy định của Hội đồng chức danh Giáo sư Nhà nước.

Em luôn chú trọng đổi mới phương pháp giảng dạy, hướng dẫn, theo nguyên tắc lấy người học làm trung tâm, còn bản thân em là người thầy giữ vai trò định hướng, khích lệ tinh thần ham học hỏi của người học. Em luôn cố gắng cập nhật các phương pháp hiện

đại, gắn chặt lý thuyết với thực tiễn, thông qua các ví dụ, các nghiên cứu trường hợp điển hình để lôi cuốn người học.

Em cũng luôn chú trọng tới việc hoàn thiện, phát triển chương trình đào tạo. Nhà trường đã tiến hành kiểm định Học viện, kiểm định các chương trình đào tạo theo chuẩn AUN rất bồ ích trong việc hoàn thiện các chương trình đào tạo, nâng cao chất lượng và hội nhập quốc tế. Bên cạnh đó, em còn chủ trì/tham gia phát triển các chương trình đào tạo trình độ đại học (chủ trì mở 2 ngành Quản lý kinh tế, ngành Quản lý và phát triển nguồn nhân lực và tham gia mở ngành Kinh tế số).

1.2 Về nghiên cứu khoa học: Vốn đam mê nghiên cứu, em đã và đang tích cực đầu thầu, chủ trì rất nhiều nhiệm vụ khoa học công nghệ các cấp (10 cấp cơ sở trọng điểm, 06 cấp Bộ, Ngành, Thành phố và 02 cấp Quốc gia). Trong 15 năm gần đây, bình quân mỗi năm em chủ nhiệm liên tục từ 1-2 đề tài các cấp. Quá trình nghiên cứu bền bỉ, liên tục đã giúp Em bổ sung, cập nhật kiến thức mới, phục vụ tốt hơn cho công tác giảng dạy, nghiên cứu tham mưu chính sách. Đồng thời cũng lan tỏa, hỗ trợ các giảng viên đồng nghiệp, các nghiên cứu sinh, học viên cao học và sinh viên làm quen, say mê và dần đắm đong những vai trò lớn hơn trong quá trình nghiên cứu. Với 85 bài báo khoa học/chương sách và 04 cuốn sách chuyên khảo, tham khảo, được xuất bản ở các tạp chí, nhà xuất bản uy tín ở trong và ngoài nước minh chứng cho những nỗ lực của em suốt thời gian qua. Quan trọng hơn cả, quá trình và kết quả nghiên cứu đã giúp em có nhiều tư liệu, kiến thức mới phục vụ tốt hơn cho các bài giảng, hướng dẫn tốt hơn cho các nghiên cứu sinh, học viên cao học.

Những năm gần đây, trên cương vị là lãnh đạo Khoa, lãnh đạo Học viện, em đã luôn chú trọng hoàn thiện các quy định của Học viện về khoa học công nghệ, chủ trì xây dựng Chiến lược nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của Học viện, xây dựng và phát triển các nhóm nghiên cứu mạnh (36 nhóm), nhóm nghiên cứu xuất sắc (6 nhóm) và các nhóm nghiên cứu tinh hoa của Học viện (4 nhóm). Tạo cơ chế khuyến khích, thúc đẩy cán bộ, giảng viên và bản thân em cũng gương mẫu, tích cực công bố ở các nhà xuất bản, tạp chí có uy tín ở trong và ngoài nước.

1.3 Về phẩm chất đạo đức, tác phong:

Là Đảng viên, em luôn gương mẫu nói và làm đúng theo Nghị quyết của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định của Học viện. Em thường xuyên trau dồi phẩm chất đạo đức, giữ gìn tác phong của nhà giáo, nhà quản lý, luôn có tinh thần hợp tác, giúp đỡ đồng chí, đồng nghiệp. Bản thân em là người nghiêm túc, có trách nhiệm cao với công việc, tác phong làm việc dân chủ, công khai, minh bạch và luôn giữ quan hệ đúng mực với cấp trên, đồng cấp và cấp dưới. Nhiều năm liền em được công nhận là chiến sỹ thi đua, được Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tặng Bằng Khen.

1.4 Khác: Năm 2016, em rất vinh dự được sang làm Phó Giáo sư giảng dạy tại Đại học Tokyo, Nhật Bản (6 tháng). Trong quá trình đó, em đã giảng dạy môn Chính sách nông nghiệp ở các nước đang phát triển cho nghiên cứu sinh, học viên cao học của Đại học Tokyo và được người học và các Giáo sư/Phó Giáo sư đánh giá tốt (Giấy chứng nhận kèm theo). Đồng thời em cũng tập trung nghiên cứu, cập nhật kiến thức mới và chuẩn bị được một số bản thảo bài báo để công bố ở những năm tiếp đó. Quá trình giảng dạy, công tác bên Đại học Tokyo cũng là cơ hội để giao lưu, học hỏi, giúp cộng đồng các nhà khoa học Nhật Bản hiểu rõ hơn về giảng dạy đại học ở Việt Nam nói chung và ở Học viện Nông nghiệp nói riêng.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số 12 năm.
- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức ^(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2016-2017	2	1	13	0	0	165	165/ 338,6/ 75
2	2017-2018	3	1	5	13	120	120	240/ 397,9/ 75
3	2018-2019	2	0	9	6	135	300	435/ 746,6/ 189
03 năm học cuối								
4	2019-2020	3	0	18	0	90	285	375/ 667,2/ 140.63
5	2020-2021	4	0	7	0	0	120	120/ 232,4/ 54
6	2021-2022	3	0	15	0	0	180	180/ 355,7/ 54

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; tại nước: Nhật Bản năm 2000, 2003

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Đại học Tokyo, Nhật Bản.

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Chứng chỉ Tiếng Anh – trình độ C

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
1	Phùng Giang Hải	X		X		Từ 2010 Đến 2016	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	QĐ số 1074/QĐ-HVN ngày 10/5/2016
2	Khamthieng Phomsavath	X		X		Từ 2011 Đến 2017	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	QĐ số 931/QĐ-HVN ngày 10/04/2017
3	Đỗ Thị Dinh	X			X	Từ 2009 Đến 2018	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	QĐ số 287/QĐ-HVN ngày 29/01/2018
4	Nguyễn Hữu Thu	X		X		Từ 2015 Đến 2019	Trường Đại học Kinh tế & QTKD, Đại học Thái Nguyên	QĐ số 707/QĐ-ĐHKT&QTKD-ĐT ngày 19/8/2020
5	Phan Thị Vân Giang	X		X		Từ 2016 Đến 2021	Trường Đại học Kinh tế & QTKD, Đại học Thái Nguyên	QĐ số 29/QĐ-ĐHKT&QTKD ngày 17/03/2022

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phản biện soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GD&DH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận PGS						
1	Tấn công vào nghèo đói vùng Đồng bằng sông Cửu Long	CK	Nhà xuất bản Nông nghiệp, 2010	1	Phạm Bảo Dương	Toàn bộ	- Giấy chứng nhận số 1024/HVN-NXB ngày 13/6/2022. - QĐ sử dụng sách phục vụ đào tạo số 3181/QĐ-HVN ngày 13/6/2022.

TT	Tên sách	Loại sách	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GD&H (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
2	Góp phần xây dựng Luật Nông nghiệp Việt Nam	TK	Nhà xuất bản Tư pháp, 2011	1	Phạm Bảo Dương	Toàn bộ	- Giấy chứng nhận số 1025/HVN-NXB ngày 13/6/2022. - QĐ sử dụng sách phục vụ đào tạo số 3181/QĐ-HVN ngày 13/6/2022.
3	Chính sách nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng tiến bộ kỹ thuật: Chìa khóa phát triển nông nghiệp thế kỷ XXI	CK	Nhà xuất bản Đại học Nông nghiệp, 2012	1	Phạm Bảo Dương	Toàn bộ	- Giấy chứng nhận số 1026/HVN-NXB ngày 13/6/2022. - QĐ sử dụng sách phục vụ đào tạo số 3181/QĐ-HVN ngày 13/6/2022.
II	Sau khi được công nhận PGS						
1	Đổi mới, phát triển hợp tác xã trong nông nghiệp ở ngoại thành Hà Nội	CK	Nhà xuất bản Học viện Nông nghiệp, 2022	4	Phạm Bảo Dương	Từ trang 52 đến trang 124 & Từ trang 154 đến trang 171	- Giấy chứng nhận số 1023/HVN-NXB ngày 13/6/2022. - QĐ sử dụng sách phục vụ đào tạo số 3181/QĐ-HVN ngày 13/6/2022.
2	Book Chapter: Agricultural and rural policies in Vietnam Handbook of international food and agricultural policies volume I: Policies for agricultural markets and rural economic activity	CK	World Scientific, 2018	2	William H. Meyers and Thomas Johnson	Từ trang 415 đến trang 432	- Giấy chứng nhận số 1022/HVN-NXB ngày 13/6/2022. - QĐ sử dụng sách phục vụ đào tạo số 3181/QĐ-HVN ngày 13/6/2022.

Trong đó: số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS: [02]: (Số thứ tự 1 và 2)

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/ PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu /Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận PGS				
1	Nghiên cứu chính sách khuyến khích thúc đẩy nghiên cứu và ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp	CN	Đề tài cấp Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2009-2010	16/4/2010 Khá
2	Nghiên cứu các cơ chế-chính sách xóa đói giảm nghèo trên địa bàn tỉnh Hà Giang	CN	Tương đương Đề tài Cấp Tỉnh (Hà Giang)	2010	Hoàn thành Tốt
3	Xác định những nhân tố hỗ trợ và cản trở hộ nghèo tiếp cận các nguồn vốn sinh kế để giảm nghèo bền vững	CN	Tương đương Đề tài cấp Bộ (Bộ Kế hoạch và Đầu tư)	2007-2008	02/02/2009 Hoàn thành Tốt
4	Đánh giá hiệu quả vốn đầu tư của Quỹ phát triển thôn bản đến thu nhập nông hộ	CN	Tương đương Đề tài cấp Bộ (Bộ Kế hoạch và Đầu tư)	2007-2008	10/3/2009 Hoàn thành Tốt
5	Định hướng phát triển mô hình hợp tác xã kiểu mới ở nông thôn Đồng bằng sông Hồng giai đoạn 2006- 2010: Khảo sát thực địa tại xã Thanh Lãng-huyện Bình Xuyên- tỉnh Vĩnh Phúc	CN	Cấp Bộ/Ngành (Liên minh Hợp tác xã Việt Nam)	2005-2006	28/3/2007 Khá
6	Chiến lược sinh kế thích ứng với biến đổi khí hậu cho hộ nghèo ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long (<i>Nghiên cứu trường hợp tại tỉnh Bến Tre</i>)	CN	Đề tài Quốc tế hợp tác với Trường Ateneo School of Government – Phillipnes	2009-2010	Hoàn thành Tốt
7	Nghiên cứu cơ sở khoa học đề xuất chính sách bù đắp thu nhập cho những hộ sản xuất lúa trong vùng lúa chuyên canh đảm bảo an ninh lương thực quốc gia	CN	Cấp cơ sở	2009	20/1/2010 Khá
8	Nghiên cứu cơ sở khoa học đề xuất chính sách nâng cao hiệu quả hoạt động của cán bộ nghiên cứu khoa học công nghệ lĩnh vực nông nghiệp – nông thôn	CN	Cấp cơ sở	2008-2009	13/1/2009 Khá
9	Nghiên cứu, đề xuất chính sách đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020	CN	Cấp cơ sở	2008-2009	13/1/2009 Khá

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/ PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu /Xếp loại KQ
10	Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn xây dựng Luật Nông nghiệp Việt Nam	CN	Cấp cơ sở	2007-2008	29/1/2008 Khá
11	Nghiên cứu xây dựng Đề án đổi mới cơ chế quản lý khoa học công nghệ ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn	CN	Cấp cơ sở	2006-2007	20/1/2008 Khá
II Sau khi được công nhận PGS					
1	Phát huy vai trò của cộng đồng các dân tộc với xóa đói, giảm nghèo ở miền núi phía Bắc	CN	B2012-11-20 Đề tài <u>cấp Bộ</u> Giáo dục và Đào tạo	2012-2014	19/2/2014 Tốt
2	Nghiên cứu đề xuất giải pháp nâng cao tính khả thi của một số chính sách phát triển nông nghiệp tại Hà Nội	CN	Đề tài <u>cấp Thành phố</u> Hà Nội	2012-2014	18/12/2013 Khá
3	Nghiên cứu giải pháp chủ yếu đổi mới, phát triển hợp tác xã ở ngoại thành Hà Nội đến năm 2025	CN	MS: 01C-05/04-2015-2 Đề tài <u>cấp Thành phố</u> Hà Nội	2015-2017	22/3/2017 Xuất sắc
4	Các giải pháp chủ yếu thúc đẩy các Hợp tác xã nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất và tiêu thụ rau, quả ở thành phố Hà Nội	CN	MS: 01X-10/02-2019-3 Đề tài <u>cấp Thành phố</u> Hà Nội	2019-2021	16/9/2021 Xuất sắc
5	Nông nghiệp hay phi nông nghiệp- Lựa chọn đầu tư của người nông dân và tác động đến phúc lợi của nông hộ	CN	MS: 502.02-2018.18 Đề tài cấp quốc gia (NAFOSTED)	2018-2019	21/8/2020 Tốt
6	Ăn rau hay ăn thịt? Ăn dế hay ăn thịt bò? Tiêu dùng thực phẩm bền vững tại Việt Nam và Thụy Sĩ.	CN	MS: IZVSZ1.203324 Đề tài cấp quốc gia (NAFOSTED-SNSF)	2021-2024	Đang triển khai thực hiện
7	Giải pháp phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới ở thành phố Hà Nội đến 2030	CN	Đề tài <u>cấp Thành phố</u> Hà Nội	2022-2023	Đang triển khai thực hiện

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả (đồng tác giả) chính	Tên tạp chí hoặc ký yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Trích dẫn (ko tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS							
I.1	Trước khi được công nhận PGS: Hướng nghiên cứu thứ NHẤT: Kinh tế sản xuất trong nông nghiệp							
1	Rural Development Finance in Vietnam: A Microeconometric Analysis of Household Surveys	2	X	<i>World Development (Mỹ)</i> (ISSN / eISSN: 0305-750X / 1873-5991)	ISI (IF: 5.278 (2020)) Q1 (SIR2020: 2,39)	401	30, 2 319-335	2002
2	Landholdings and Household Income in Vietnamese Villages	2	X	<i>Japanese Journal of Farm Management (Nhật Bản)</i> Online ISSN : 2186-4713 Print ISSN : 0388-8541		8	40, 2 23-29	2002
3	Comparative Analysis on Changes in Vietnamese Agricultural Structure - Results of Field Studies in Ninh Binh and An Giang Provinces	3	X	<i>Journal of Rural Economics (Nhật Bản)</i> Online ISSN : 2188-1057 Print ISSN : 0387-3234			Special Issue 236-240	2001
4	Production Characteristics of Three Sub-sectors in Vietnamese Agriculture: A Cost Approach	2	X	<i>Japanese Journal of Farm Management (Nhật Bản)</i> Online ISSN : 2186-4713 Print ISSN : 0388-8541		1	42, 1 1-12	2004
5	Access to Rural Credit in Vietnam – A case Study of Tan Linh Commune, Ba Vi district, Ha Tay Province	3		<i>The Journal of Review of Development and Cooperation (Thái Lan)</i>			2, 68-86	2008

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả (đồng tác giả) chính	Tên tạp chí hoặc kỳ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Trích dẫn (ko tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
6	Phát triển sản xuất rau hữu cơ – Một hướng đi mới của nông nghiệp Việt Nam	1	X	<i>Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế</i>			4 (419) 63-69	2013
7	Nghiên cứu chuỗi giá trị sản phẩm hoa cúc của huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	2	X	<i>Tạp chí Phát triển Kinh tế</i>			270 48-58	2013
8	Giải pháp phát triển vùng rau hữu cơ: Trường hợp nghiên cứu tại huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình	2	X	<i>Tạp chí Kinh tế Phát triển</i>			187(II) 65-72	2013
9	Phát triển các khu chăn nuôi tập trung ngoài khu dân cư: Nghiên cứu trường hợp tại xã Trần Phú, huyện Chương Mỹ, ngoại thành Hà Nội	2	X	<i>Tạp chí Quản lý Kinh tế</i>			53 54-63	2013
10	Nghiên cứu nhu cầu tiêu dùng sản phẩm gồm sứ Bát Tràng	2	X	<i>Tạp chí Khoa học và Phát triển</i>			10, 7 1061- 1068	2012
11	Một số vấn đề lý luận về chính sách quản lý rủi ro trong sản xuất cá tra	2	X	<i>Tạp chí Quản lý Kinh tế</i>			47 29-37	2012
12	Các yếu tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của cán bộ nghiên cứu khoa học	1	X	<i>Tạp chí Hoạt động Khoa học</i>			635 14-16	2012
13	Dịch vụ công đối với các trường đại học khối nông-lâm-ngư: dư địa tiềm năng	2	X	<i>Tạp chí Kinh tế Phát triển</i>			171 17-22	2011
14	Một số vấn đề lý luận và thực tiễn phát triển dịch vụ thiết kế trong sản xuất-kinh doanh hàng gốm sứ mỹ nghệ ở nông thôn Việt Nam	2		<i>Tạp chí Kinh tế Phát triển</i>			169 (II) 26-31	2011

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả (đồng tác giả) chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Trích dẫn (ko tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
15	Định hướng chính sách đào tạo nghề cho lao động nông thôn	1	X	<i>Tạp chí Khoa học và Phát triển</i>			9, 4 672-679	2011
16	Giải pháp chính sách phát triển vùng lúa chuyên canh để đảm bảo mục tiêu an ninh lương thực quốc gia	2		<i>Tạp chí Kinh tế và Dự báo</i>			2 (490) 28-31	2011
17	Vài suy nghĩ về chuyển dịch cơ cấu kinh tế sản xuất lúa gạo ở nước ta	2	X	<i>Tạp chí Kinh tế và Dự báo</i>			09 (365) 10-13	2003
I.2	Trước khi được công nhận PGS: Hướng nghiên cứu thứ HAI: Thể chế, tổ chức kinh tế trong nông nghiệp							
18	Measuring the Progress of Rural Finance in Vietnam	2	X	<i>Savings and Development (Châu Âu)</i> (ISSN:0393-4551)	Scopus	25	25, 2 139-166	2001
19	The Transformation of Agricultural Producer Cooperatives - The Case of Vietnam	2		<i>The Journal of Rural Cooperation (Israel)</i> ISSN:0377-7480		23	38, 2 117-133	2010
20	Reviewing the Development of Rural Finance in Vietnam	1	X	<i>Journal of Economics and Development</i>	ACI	12	15 (1) 121-136	2013
21	Đổi mới Khuyến nông: Kinh nghiệm Quốc tế và gợi ý chính sách cho Việt Nam	1	X	<i>Tạp chí Kinh tế Phát triển</i>			192 72-79	2013
22	Tăng cường liên kết giữa sản xuất và chế biến tôm ở tỉnh Cà Mau: Một số vấn đề lý luận và bài học kinh nghiệm	2		<i>Tạp chí Kinh tế Phát triển</i>			188(II) 33-39	2013

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả (đồng tác giả) chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN <i>Tạp chí Kinh tế Phát triển</i>	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Trích dẫn (ko tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
23	Tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp chế biến và người nuôi thủy sản vùng Đồng bằng sông Cửu Long	2					174 (II) 93-98	2012
24	Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về giải pháp nâng cao tính khả thi của chính sách phát triển nông nghiệp	1	X	<i>Tạp chí Kinh tế Phát triển</i>			184 (II) 9-15	2012
25	Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về phát triển các hợp tác xã kiểu mới trong nông nghiệp	1	X	<i>Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế</i>			12(415) 38-46	2012
26	Agricultural Insurance in Japan and Policy Implications for Vietnam	1	X	<i>Tạp chí Khoa học và Phát triển</i>			9, 1 91-100	2011
27	Hợp tác xã: Nhân tố quan trọng để phát triển nông nghiệp-nông thôn	1	X	<i>Tạp chí Kinh tế và dự báo</i>			12 (476) 21-23	2010
28	Trường đại học quản lý kinh doanh Hà Nội: Mô hình HTX trường học đầu tiên ở Việt Nam	1	X	<i>Tạp chí Kinh tế và dự báo</i>			2 (394) 53-54	2006
29	Một vài suy nghĩ về tiêu chí phân loại hợp tác xã	1	X	<i>Tạp chí Kinh tế và dự báo</i>			05 (385) 52-54	2005
30	Phát triển các hợp tác xã ở Việt Nam: Phân tích vi mô từ giác độ nông hộ	1	X	<i>Tạp chí Kinh tế và dự báo</i>			11 (379) 8-10	2004
31	Xây dựng các hình thức sản xuất phù hợp trong nông nghiệp nông thôn	1	X	<i>Tạp chí Kinh tế và dự báo</i>			09 (377) 12-14	2004
I.3	Trước khi được công nhận PGS: Hướng nghiên cứu thứ BA: Giảm nghèo, an sinh xã hội và phát triển nông thôn							
32	Vận dụng công cụ kinh tế trong quản lý môi trường làng nghề	2		<i>Tạp chí Kinh tế và dự báo</i>			11 (547) 57-59	2013

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả (đồng tác giả) chính	Tên tạp chí hoặc kỳ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Trích dẫn (ko tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
33	Sự tham gia của cộng đồng các dân tộc trong các hoạt động giảm nghèo ở một số địa phương miền núi phía Bắc	2	X	<i>Tạp chí Khoa học và Phát triển</i>			11, 2 249-259	2013
34	ABCD và Tiếp cận xóa đói giảm nghèo bền vững	1	X	<i>Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế</i>			4 (407) 57-63	2012
35	Việc làm và đời sống của lao động nữ nông thôn làm việc tự do tại Hà Nội	2	X	<i>Tạp chí Khoa học và Phát triển</i>			10, 4 671-678	2012
36	Tăng cường sự tham gia của cộng đồng các dân tộc trong các chương trình giảm nghèo	2	X	<i>Tạp chí Kinh tế và dự báo</i>			24 (536) 34-36	2012
37	Giải pháp tăng cường hiệu quả triển khai các chương trình giảm nghèo: Trường hợp nghiên cứu tại huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang	2	X	<i>Tạp chí Kinh tế Phát triển</i>			181 27-32	2012
38	Đổi mới cơ chế thực hiện các chương trình đầu tư công cho giảm nghèo: Trường hợp nghiên cứu tại Hà Giang	1	X	<i>Tạp chí Khoa học và Phát triển</i>			10, 2 380-387	2012
39	Một số vấn đề lý luận về sự tham gia của cộng đồng các dân tộc trong giảm nghèo bền vững	2	X	<i>Tạp chí Kinh tế Phát triển</i>			Đặc biệt 37-41	2011
40	Giải pháp đầu tư công cho đào tạo nghề ở các huyện nghèo: Trường hợp nghiên cứu tại Sơn Động, tỉnh Bắc Giang	1	X	<i>Tạp chí Quản lý Kinh tế</i>			41 24-30	2011
41	Một vài suy nghĩ đổi mới cơ chế thực hiện chính sách giảm nghèo	1	X	<i>Tạp chí Kinh tế và dự báo</i>			15 (479) 10-13	2010

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả (đồng tác giả) chính	Tên tạp chí hoặc kỳ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Trích dẫn (ko tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
II	Sau khi được công nhận PGS							
II.	Sau khi được công nhận PGS: Hướng nghiên cứu thứ NHẤT: Kinh tế sản xuất trong nông nghiệp							
42	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến việc dồn điền đổi thửa ở nông thôn huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình	2		<i>Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn</i>			1 3-11	2015
43	Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về quản trị nguồn nhân lực trong doanh nghiệp kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật	2		<i>Tạp chí Kinh tế Phát triển</i>			222 (II) 9-17	2015
44	Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ khuyến nông tại tỉnh Champasak, CHDCND Lào	2		<i>Tạp chí Kinh tế và Dự báo</i>			02 55-58	2016
45	Nghiên cứu chuỗi giá trị miến dong tại huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang	2	X	<i>Tạp chí Phát triển kinh tế</i>			28, 7 106-120	2017
46	Nghiên cứu hoạt động của thương lái trong chuỗi giá trị gạo xuất khẩu tại tỉnh Đồng Tháp	2	X	<i>Tạp chí Kinh tế Phát triển</i>			240, 6 55-65	2017
47	Nông nghiệp hay phi nông nghiệp – sự lựa chọn của người nông dân và tác động lên phúc lợi nông hộ: lý luận và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam	2		<i>Tạp chí Nghiên cứu kinh tế</i>			4(491) 40-51	2019
48	Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa sản xuất nông nghiệp ở Việt Nam	3		<i>Tạp chí Khoa học nông nghiệp Việt Nam</i>			17, 11 946-954	2019
49	Nghiên cứu chuỗi cung ứng thịt lợn trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên	2		<i>Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế</i>			12(499) 72-81	2019

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả (đồng tác giả) chính	Tên tạp chí hoặc kỳ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Trích dẫn (ko tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
50	Giải pháp quản trị nguồn nhân lực trong các doanh nghiệp kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật ở miền Bắc Việt Nam	2		<i>Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam</i>			17(9) 735-743	2019
51	Đa dạng hóa thu nhập và việc áp dụng giống lúa cải tiến trong sản xuất nông nghiệp ở Việt Nam	2	X	<i>Tạp chí Kinh tế và Phát triển</i>			3 (273) 22-32	2020
52	Nông nghiệp hay phi nông nghiệp- sự lựa chọn sinh kế của hộ dân ven biển trong bối cảnh biến đổi khí hậu: Nghiên cứu điểm tại ven biển tỉnh Thái Bình	3	X	<i>Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế</i>			12 (511) 43-51	2020
53	Tổng quan về tín dụng cho phát triển trang trại	3		<i>Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam</i>			19, 9 1261-1269	2021
54	Effects of Integrated Shrimp Farming in Vietnam	2	X	<i>Journal of World Aquaculture Society (The US)</i> (ISSN / eISSN: 0893-8849 / 1749-7345)	ISI (SCIE) IF: 2.512 Q2 (SJR2020: 0,66)	2	49, 4 664-675	2018
55	Adoption and effects of modern rice varieties in Vietnam: Micro-econometric analysis of household surveys	2	X	<i>Economic Analysis and Policy</i> (ISSN / eISSN: 0313-5926)	ISI (IF: 2.497) Q1 (SJR2020: 0,63)	20	64 282-292	2019
56	Economic Impacts of Hybrid Rice Varieties in Vietnam: An Instrumental Analysis	2	X	<i>Journal of Agricultural Science and Technology</i> (ISSN / eISSN: 1680-7073 / 2345-3737)	ISI (IF: 1.03) Q2 (SJR2020: 0,33)		23(6): 1195-1211	2021

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả (đồng tác giả) chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Trích dẫn (ko tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
57	Forest cover change, households' livelihoods, trade-offs, and constraints associated with plantation forests in poor upland-rural landscapes: Evidence from north central Vietnam	17		<i>Forests</i> (ISSN / eISSN: 1999-4907)	ISI (IF: 2.634) Q1 (SJR2020: 0,68)	24	11, 5 548-	2021
58	Determinants of adoption of modern rice varieties in rural Vietnam: a double-hurdle approach	2	X	<i>Journal of Agribusiness in Developing and Emerging Economies</i> (ISSN / eISSN: 2044-0839 / 2044-0847)	ISI (ESCI) Q2 (SJR2020 : 0,54)	1	11,3 313-326	2021
59	Disruptions to agricultural activities, income loss and food insecurity during the COVID-19 pandemic: Evidence from farm households in a developing country	3	X	<i>Journal of Agribusiness in Developing and Emerging Economies</i> (ISSN / eISSN: 2044-0839 / 2044-0847)	ISI (ESCI) Q2 (SJR2020 : 0,54)	1	12, 3	2022
II. Sau khi được công nhận PGS: Hướng nghiên cứu thứ HAI: Thể chế, tổ chức kinh tế trong nông nghiệp								
60	Tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp chế biến và người nuôi tôm tại Cà Mau	2		<i>Tạp chí Khoa học Phát triển</i>			12, 2 231-238	2014
61	Nâng cao tính khả thi chính sách khuyến nông trên địa bàn Hà Nội	3	X	<i>Tạp chí Khoa học Phát triển</i>			12, 4 610-619	2014
62	Đánh giá mô hình tổ chức và hoạt động của quỹ khuyến nông Hà Nội	3	X	<i>Tạp chí Kinh tế Phát triển</i>			200 53-60	2014
63	Hợp tác công - tư trong xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam	2	X	<i>Tạp chí Kinh tế Phát triển</i>			202 21-27	2014
64	Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về đổi mới, phát	1	X	<i>Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế</i>			10 (449) 48-54	2015

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả (đồng tác giả) chính	Tên tạp chí hoặc kỳ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Trích dẫn (ko tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	triển các hợp tác xã ở nông thôn Việt Nam							
65	Một số vấn đề lý luận và bài học kinh nghiệm liên kết kinh tế trong chăn nuôi và tiêu thụ lợn thịt	2		Tạp chí Khoa học và Công nghệ			175, 15 207-212	2017
66	Filling the voids left by the formal sector: informal borrowings by poor households in northern mountainous Vietnam	3	X	<i>Agricultural Finance Review</i> (ISSN / eISSN: 0002-1466 / 2041-6326)	ISI (ESCI)	5	81, 1 94-113	2021
67	Interlinked Transformations of Agri-food System in Vietnam: A Case Study of Lychee Fruit Production in Luc Ngan District, Bac Giang Province In Development of Inclusive Food Value Chain in the Mekong Region	2	X	BRC Rearch Report Institute of Developing Economies, Japan External Trade Organization (IDE-JETRO)			30, 26-56	2022
II	Sau khi được công nhận PGS: Hướng nghiên cứu thứ BA: Giảm nghèo, an sinh xã hội và phát triển nông thôn							
68	Nghiên cứu sự tham gia của cộng đồng các dân tộc trong các chương trình giảm nghèo: Trường hợp nghiên cứu tại huyện Đà Bắc (Hòa Bình) và huyện Sơn Động (Bắc Giang)	2	X	<i>Tạp chí Kinh tế Phát triển</i>			195(II) 34-41	2013
69	Phát triển bảo hiểm y tế học đường tại huyện Lục Nam tỉnh Bắc Giang	2	X	<i>Tạp chí Kinh tế và Dư báo</i>			22 56-59	2014
70	Yếu tố ảnh hưởng tới sự tham gia của cộng đồng các dân tộc thiểu số trong giảm nghèo (trường hợp ở Huyện Simacai, tỉnh Lào Cai)	2	X	<i>Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế</i>			4 62-69	2014

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả (đồng tác giả) chính	Tên tạp chí hoặc kỳ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Trích dẫn (ko tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
71	Sự tham gia của cộng đồng các dân tộc trong các chương trình giảm nghèo ở vùng miền núi phía Bắc	2	X	Những vấn đề Kinh tế và Chính trị thế giới			9, 223 68-80	2015
72	Sự hài lòng của người nộp thuế đối với chất lượng phục vụ của Chi cục Thuế huyện Na Hang – Tỉnh Tuyên Quang	3	X	Tạp chí Khoa học Phát triển			13, 1 133-142	2015
73	Hoạt động của Quỹ Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã thành phố Hà Nội	2	X	Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam			14, 6 998-1008	2016
74	Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về phát triển tín dụng cho hộ nghèo	2		Nghiên cứu Kinh tế			5, 468 57-66	2017
75	Một số vấn đề lý luận về phát triển kinh tế tập thể trong xây dựng nông thôn mới	2		Tạp chí Kinh tế và Dư báo			5 (687) (30-32)	2019
76	Hợp tác xã và phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại Hà Nội	1	X	Tạp chí Kinh tế và Dư báo			4(730) 94-98	2020
77	Thực thi công tác sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn huyện Yên Thế, Bắc Giang	2	X	Tạp chí Kinh tế và Dư báo			33 (751) 83-86	2020
78	Thúc đẩy ứng dụng công nghệ cao cho các hợp tác xã nông nghiệp: lý luận và thực tiễn	3		Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam			19, 8 1115-1124	2021
79	Impact Evaluation of Microcredit on Welfare of the Vietnamese Rural Households	2	X	Asian Social Science, (Canada) ISSN(Print): 1911-2017 ISSN(Online): 1911-2025	Scopus (Năm 2015 Tạp chí trong Danh mục Scopus)	20	11 (2) 190-201	2015

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả (đồng tác giả) chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Trích dẫn (ko tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
80	Health shocks and the mitigating role of microcredit—The case of rural households in Vietnam	2		<i>Economic Analysis and Policy</i> (ISSN / eISSN: 0313-5926)	ISI (IF: 2.497) Q1 (SJR2020: 0,63)	17	56 (2017) 135-147	2017
81	Impact of formal credit on the living standards of poor households in mountainous northern Vietnam	2	X	<i>Enterprise Development and Microfinance</i> (ISSN: 1755-1978E- ISSN: 1755-1986)	Scopus Q3 (SJR2020 : 0,21)	3	29, 3-4 244-261	2018
82	Impact of microcredit on rural household welfare and economic growth in Vietnam	3	X	<i>Journal of Policy Modeling</i> (ISSN / eISSN: 0161-8938 / 1873-8060)	ISI (IF: 2.640) Q1 (SJR2020 : 1,13)	24	41, 1 120-139	2019
83	Impacts of off-farm employment on welfare, food security and poverty: Evidence from rural Vietnam	3	X	<i>International Journal of Social Welfare</i> (ISSN / eISSN: 1369-6866 / 1468-2397)	ISI (IF: 1.957) Q1 (SJR2020: 0,66)	10	30, 1 84-96	2021
84	The economic burden of non-communicable diseases on households and their coping mechanisms: Evidence from rural Vietnam	2	X	<i>World Development</i> (ISSN / eISSN: 0305-750X / 1873-5991)	ISI (IF: 5.278) Q1 (SJR2020 : 2,39)		151	2022
85	Book Chapter: Agricultural and rural policies in Vietnam	2	X	Handbook of international food and agricultural policies volume I: Policies for agricultural markets and rural economic activity	Nhà xuất bản uy tín: World Scientific	5	415-432	2018

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS: 12 (mười hai)

Số thứ tự: 54, 55, 56, 58, 59, 66, 79, 81, 82, 83, 84 và 85.

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỹ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					

- Trong đó: số bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					

- Trong đó: số tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Tên Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Trách nhiệm (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản thẩm định để đưa vào sử dụng	Ghi chú
1	Quản lý kinh tế	Tổ trưởng	Quyết định số 2377/QĐ-HVN ngày 15/08/2018	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Quyết định số 4015/QĐ-HVN ngày 16/11/2018	Đang sử dụng tại Học viện
2	Quản lý và phát triển nguồn nhân lực	Tổ trưởng	Quyết định số 2377/QĐ-HVN ngày 15/08/2018	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Quyết định số 4015/QĐ-HVN ngày 16/11/2018	Đang sử dụng tại Học viện
3	Kinh tế tài chính	Thư ký thẩm định CTĐT	Quyết định số 3621/QĐ-HVN ngày 25/10/2018	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Quyết định số 4015/QĐ-HVN ngày 16/11/2018	Đang sử dụng tại Học viện
4	Kinh tế số	Ủy viên tổ soạn thảo	Quyết định số 2983/QĐ-HVN ngày 21/08/2020	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Quyết định số 4740/QĐ-HVN ngày 11/12/2020	Đang sử dụng tại Học viện
5	Xây dựng "Quy định quản lý hoạt động khoa học và công nghệ"	Chủ trì	Quyết định số 917/QĐ-HVN ngày 25/2/2021	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Quyết định số 1874/QĐ-HVN ngày 12/04/2022	Đang áp dụng ở Học viện
6	Xây dựng “Quy định khen thưởng các công bố quốc tế”	Chủ trì	Quyết định số 920/QĐ-HVN ngày 25/2/2021	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Quyết định số 1546/QĐ-HVN ngày 24/3/2022	Đang áp dụng ở Học viện
7	Xây dựng “Quy định quản lý hoạt động dịch vụ tư vấn, tư vấn chuyển giao khoa học công nghệ”	Chủ trì	Quyết định số 919/QĐ-HVN ngày 25/2/2021	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Quyết định số 1871/QĐ-HVN ngày 12/4/2022	Đang áp dụng ở Học viện
8	Xây dựng “Quy định về Quản lý và sử dụng nhãn hiệu Học viện Nông nghiệp Việt Nam”	Chủ trì	Quyết định số 918/QĐ-HVN ngày 25/2/2021	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Quyết định số 3049 /QĐ-HVN ngày 6/6/2022	Bắt đầu triển khai áp dụng tại Học viện

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS: **KHÔNG**

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo: **KHÔNG**

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....
+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học: **KHÔNG**

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....
- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....
- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Nếu không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo, em xin đề xuất CTKH để thay thế như sau:

1. Phung Giang Hai and Pham Bao Duong (2018). Effects of Integrated Shrimp Farming in Vietnam. *Journal of World Aquaculture Society*. Vol. 49, 4 pages 664-675.
(Tác giả chính. ISSN / eISSN: 0893-8849 / 1749-7345. Tạp chí có trong Danh mục ISI (SCIE) IF: 2.512), Q2, SJR2020:0,66)
2. Pham Tien Thanh and Pham Bao Duong (2019). Adoption and effects of modern rice varieties in Vietnam: Micro-econometric analysis of household surveys. *Economic Analysis and Policy*. Vol. 64, pages 282-292.
(Tác giả chính. ISSN / eISSN: 0313-5926. Tạp chí có trong Danh mục ISI (IF: 2.497), Q1, SJR2020: 0,63)
3. Pham Tien Thanh and Pham Bao Duong (2021). Determinants of adoption of modern rice varieties in rural Vietnam: a double-hurdle approach. *Journal of Agribusiness in Developing and Emerging Economies*. Vol.11, 3, pages 313-326.
(Tác giả chính. (ISSN / eISSN: 2044-0839 / 2044-0847), Tạp chí có trong Danh mục ISI (ESCI), Q2, SJR2020: 0,54)
4. Pham Tien Thanh and Pham Bao Duong (2022). The economic burden of non-communicable diseases on households and their coping mechanisms: Evidence from rural Vietnam. *World Development*. Vol. 151.
(Tác giả chính. ISSN / eISSN: 0305-750X / 1873-5991), Tạp chí trong Danh mục ISI (IF: 5.278 (2020)), Q1, SIR2020: 2,39)
5. Pham Van Hung and Pham Bao Duong (2018). Agricultural and rural policies in Vietnam (Book Chapter) trong Handbook of international food and agricultural policies volume I: Policies for agricultural markets and rural economic activity, Nhà xuất bản World Scientific.

(Đồng tác giả chính, chương sách do NXB có uy tín World Scientific xuất bản)

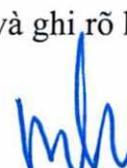
C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội , ngày 29 tháng 6 năm 2022

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Phạm Bảo Dương